

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 251 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 30 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,5 ha) phục vụ thi công Công trình Khu tái định cư phục vụ dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới tại mỏ đất QN03 thuộc Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3706/STNMT-CCBVMT ngày 15/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất tại mỏ QN03 (2,5 ha), Phường Bùi Thị Xuân phục vụ thi công Công trình Khu tái định cư phục vụ dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639) của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,5 ha) phục vụ thi công Công trình Khu tái định cư phục vụ dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới tại mỏ đất QN03 thuộc Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1277/BGPMB-HT ngày 30/12/2022 của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 72/TTr-STNMT ngày 18/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,5 ha) phục vụ thi công Công trình Khu tái định cư phục vụ dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639),

đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới (sau đây gọi là Dự án) của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại tại mỏ đất QN03 thuộc Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND Phường Bùi Thị Xuân;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,5 ha)
Phục vụ thi công công trình Khu tái định cư phục vụ
Dự án xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639),
Đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới tại mỏ đất QN03
thuộc Phường Bùi Thị Xuân, Thành phố Quy Nhơn
CỦA BAN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,5 ha) phục vụ thi công Công trình Khu tái định cư phục vụ dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới tại mỏ đất QN03 thuộc Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Địa điểm thực hiện: mỏ đất QN03 thuộc Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định.

- Địa chỉ liên hệ: số 20 Ngô Thời Nhiệm, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: 0256.3747786.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 2,5 ha.

- Thời hạn khai thác: 01 năm (thực hiện khai thác theo tiến độ thi công Công trình Khu tái định cư phục vụ dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới).

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Trữ lượng khai thác: 124.593 m³ đất địa chất.

- Công suất khai thác: 124.593 m³ đất địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

- Phương pháp khai thác: mở vĩa khai thác đầu tiên đồng thời tại 02 vị trí tại cao độ cos +95m phía Nam khu mỏ (gần điểm góc số 4) và cao độ cos +85m phía Bắc khu mỏ (gần điểm góc số 2) và khai thác theo hướng từ trên xuống, độ cao tầng khai thác từ +5,37m đến + 5,5m, cos kết thúc thoải dần từ +95m đến +64m (mặt bằng phía hạ lưu bằng phẳng, thoải dần so với diện tích liền kề bên ngoài ranh giới mỏ, không tạo hố sâu cục bộ, đảm bảo thoát nước). Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m³) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến

công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: 04 hố giảm tốc (phía Tây, Đông Nam, Tây Bắc và Đông Bắc), hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa.

- Tuyến đường nội bộ trong mỏ (tuyến đường hiện trạng đã có): Được nâng cấp, mở rộng (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) dài khoảng 207 m. Tuyến đường này sẽ được giữ lại khi kết thúc khai thác để tiếp tục phục vụ cho người dân trong khu vực.

- Tuyến đường nội bộ trong mỏ (mở mới): kết nối từ đường nội bộ trong mỏ đến các vị trí khai thác ban đầu (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) dài khoảng 106 m.

- Khu vực phụ trợ phía Tây (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 1.000 m² để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe và bãi lưu chứa đất tạm diện tích khoảng 200 m².

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng với diện tích 2,5 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,72 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất, phát sinh khoảng 2.832 m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 2,5 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến Công trình Khu tái định cư phục vụ dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 5,4 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 05 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 15 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, nguy cơ sa bồi xuống khu vực hạ lưu, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ chiều dài khoảng 414 m (kích thước: đáy lớn 1,9 m x đáy bé 1,5 m x sâu 1,0 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc 02 bên tuyến đường trong mỏ có chiều dài 313 m (kích thước: đáy lớn 1,2 m x đáy bé 0,4 m x sâu 0,5 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hệ thống hồ giảm tốc dòng chảy, giảm thiểu sa bồi: Gồm 04 hồ giảm tốc được gia cố đảm bảo, cụ thể:

- + Hồ giảm tốc số 1 phía Tây mỏ (tọa độ 1.518.320; 599.271), thể tích khoảng 54 m³ (diện tích 18 m², sâu 3 m).

- + Hồ giảm tốc số 2 phía Đông Nam mỏ (tọa độ 1.518.233; 599.409), thể tích khoảng 54 m³ (diện tích 18 m², sâu 3 m).

- + Hồ giảm tốc số 3 phía Tây Bắc mỏ (tọa độ 1.518.408; 599.267), thể tích khoảng 120m³ (diện tích 40m², sâu 3 m).

- + Hồ giảm tốc số 4 phía Đông Bắc mỏ (tọa độ 1.518.403; 599.381), thể tích khoảng 120 m³ (diện tích 40 m², sâu 3 m).

- Quy trình thu gom, xử lý:

- + Nước mưa chảy tràn phía Tây, Tây Bắc mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ → hồ giảm tốc số 1 → hồ giảm tốc số 3 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → Mương thoát nước hiện trạng phía Tây Bắc mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông, Đông Bắc mỏ → nương thu gom xung quanh mỏ → hồ giảm tốc số 4 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → Mương thoát nước hiện trạng phía Đông Bắc mỏ.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông Nam, Nam mỏ → nương thu gom xung quanh mỏ → hồ giảm tốc số 2 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → Mương thoát nước hiện trạng phía Đông Nam mỏ.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Phối hợp với các chủ đầu tư khai thác đất trong khu vực có sử dụng cùng tuyến đường vận chuyển để thực hiện tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ khu vực mỏ đến công trình và tăng cường vào mùa nắng.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi đất.

- Vệ sinh bánh xe khi ra khỏi khu vực mỏ.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	6	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc Dự án

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
2	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	2.250	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoát về phía Đông và phía Tây, đồng bộ với cos kết thúc khai thác các mỏ đất lân cận, thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
3	San lấp mương thoát nước và hồ lắng	m ³	1.433	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
4	Tháo dỡ công thoát nước	tấn	13,05		
5	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	34		
6	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	ha	2,5	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác
7	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	2,5	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **263.248.000 đồng**
(Hai trăm sáu mươi ba triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 01 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số tiền: 263.248.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó; tạo bờ dưng khu vực phía Nam và phía Đông mỏ nhằm giảm thiểu sạt lở phía hạ lưu trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hồ giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi.

- Bố trí khu vực điều tiết lưu lượng xe ra vào mỏ, không tập trung xe trên đường đất hiện trạng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

Giám sát bụi lơ lửng (TSP) 01 điểm tại ngã ba đường bê tông CCN Bùi Thị Xuân kết nối Quốc lộ 1A so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát 03 tháng/lần.